

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST

Ngày 17-01-2025

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Lệ Hoa

Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Chí Đ; Sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Đoàn Thanh D (vắng mặt)

2. Bà Bùi Thị M, sinh năm 1962 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Bích H (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 03/10/2024, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa ông Phạm Chí Đ trình bày:*

Do quen biết nên vợ chồng ông D, bà M có tham gia hợp đồng góp hụi với ông Đ, cụ thể như sau:

-Dây hụi thứ nhất: Hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 15/3/2021 âm lịch, gồm 32 chung, vợ chồng ông D, bà M tham gia 01 chung. Vợ chồng ông D hót kỳ thứ 6 với số tiền 99.100.000 đồng. Hiện nay dây hụi đã mãn nhưng vợ chồng ông D chưa đóng đủ và còn nợ lại 16 kỳ với số tiền 80.000.000 đồng.

-Dây hụi thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 15/3/2021 âm lịch, gồm 32 chung, vợ chồng ông D, bà M tham gia 01 chung. Vợ chồng ông D hót kỳ thứ 4 với số tiền 41.000.000 đồng. Hiện nay dây hụi đã mãn nhưng vợ chồng ông D chưa đóng đủ và còn nợ lại 18 kỳ với số tiền 36.000.000 đồng.

-Dây hụi thứ ba (dây 1): Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 07/4/2022 âm lịch, gồm 30 chung, vợ chồng ông D, bà M tham gia 01 chung. Vợ chồng ông D hót kỳ thứ 2 với số tiền 40.920.000 đồng. Hiện nay dây hụi đã mãn nhưng vợ chồng ông D chưa đóng đủ và còn nợ lại 13 kỳ với số tiền 26.000.000 đồng.

-Dây hụi thứ tư (dây 2): Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 07/4/2022 âm lịch, gồm 30 chung, vợ chồng ông D, bà M tham gia 01 chung. Vợ chồng ông D hót kỳ thứ 2 với số tiền 40.580.000 đồng. Hiện nay dây hụi đã mãn nhưng vợ chồng ông D chưa đóng đủ và còn nợ lại 13 kỳ với số tiền 26.000.000 đồng.

-Dây hụi thứ năm: Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 25/5/2022 âm lịch, gồm 25 chung, vợ chồng ông D, bà M tham gia 01 chung. Vợ chồng ông D hót kỳ thứ 5 với số tiền 35.440.000 đồng. Hiện nay dây hụi đã mãn nhưng vợ chồng ông D chưa đóng đủ và còn nợ lại 08 kỳ với số tiền 16.000.000 đồng.

-Dây hụi thứ sáu: Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 25/5/2022 âm lịch, gồm 25 chung, vợ chồng ông D, bà M tham gia 01 chung. Vợ chồng ông D hót kỳ thứ 4 với số tiền 34.770.000 đồng. Hiện nay dây hụi đã mãn nhưng vợ chồng ông D chưa đóng đủ và còn nợ lại 08 kỳ với số tiền 16.000.000 đồng.

-Dây hụi thứ bảy: Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 02/01/2023 âm lịch, gồm 25 chung, vợ chồng ông D, bà M tham gia 01 chung. Vợ chồng ông D hót kỳ thứ 2 với số tiền 33.050.000 đồng. Dây hụi này mãn vào ngày 02/02/2025 âm lịch. Nhưng vợ chồng ông D đóng hụi đến tháng 10/2023 âm lịch thì ngưng đóng đến nay. Hiện còn nợ 16 kỳ với số tiền 32.000.000 đồng.

Tổng số tiền vợ chồng ông D, bà M nợ 07 dây hụi là 232.000.000 đồng. Thời gian qua bà M, ông D đã thanh toán hiện nay còn nợ lại số tiền 176.000.000 đồng.

Ngoài ra bà M có xin tham gia chung hụi 5.000.000 đồng mở ngày 15/11/2023 âm lịch với điều kiện là bà M phải hót hụi kì thứ nhất để thanh toán vào số tiền nợ hụi 176.000.000 đồng nhưng do bà M không thống nhất nên ông Đ không thống nhất cho tham gia này. Tuy nhiên bà M có gửi được 10 lần với

số tiền 33.500.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Đ thống nhất tính số tiền bà Mạnh gửi bằng số tiền 48.800.000 đồng để trừ vào số tiền nợ vợ chồng bà M đã nợ trước đó. Vì vậy ông Đ yêu cầu bà M và ông D trả số tiền nợ hui còn lại là 127.200.000 đồng cho vợ chồng ông Đ.

**Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bà Bùi Thị M trình bày:*

Bà M thừa nhận có tham gia hợp đồng góp hui với vợ chồng ông Đ, bà H và có nợ tổng số tiền hui là 176.000.000 đồng như ông Đ trình bày.

Tuy nhiên vào ngày 15/11/2023 bà Mạnh có hỏi ông Đ tham gia 01 chung hui 5.000.000 đồng, bà M đã gửi đóng được 10 kỳ nhưng bà M không nhớ số tiền cụ thể đã gửi cho ông Đ.

Nay nếu ông Đ không cho bà M tham gia chung hui ngày 15/11/2023 thì bà M yêu cầu ông Đ tính bằng tiền hui 10 kỳ hui chết với số tiền 48.800.000.000 đồng để bà trừ vào số tiền nợ 176.000.000 đồng. Tiền bà M hốt hui của ông Đ bà M dùng vào việc lo chi phí gia đình và đóng hui nhưng việc tham gia hui ông D không biết. Vì vậy bà M thống nhất tự thanh toán số tiền nợ hui còn lại là 127.200000.000 đồng cho vợ chồng ông Đ, bà M không yêu cầu ông D cùng có nghĩa vụ thanh toán với bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Phạm Chí Đ khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị M và ông Đoàn Thanh D có nghĩa vụ thanh toán nợ hui nên đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng góp hui; bà M và ông D có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D, bà H nhưng ông D, bà H vắng mặt tại lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D, bà H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa ông Đ yêu cầu bà M và ông D thanh toán cho vợ chồng ông Đ, bà H tổng số tiền hui còn nợ là 127.200.000 đồng. Tuy bà M thống nhất số tiền nợ vợ chồng ông Đ là 176.000.000 đồng, thống nhất trừ số tiền bà M gửi tính bằng 48.800.000 đồng nên số tiền bà M còn nợ vợ chồng ông Đ là 127.200.000 đồng nhưng bà M yêu cầu tự thanh toán, không yêu cầu ông D cùng thanh toán với bà M.

Xét thấy các bên cùng thống nhất số tiền nợ hui còn lại của bà M là 127.200.000 đồng và bà M thống nhất thanh toán số tiền này cho ông Đ nên tranh chấp hợp đồng góp hui giữa ông Đ, bà M là thực tế có xảy ra và yêu cầu của ông Đ là có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Đ yêu cầu ông D cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ với bà M. Xét thấy yêu cầu của ông Đ là có cơ sở. Bởi vì, bà M thừa nhận bà và ông D là vợ chồng và chung sống với nhau từ trước năm 1987 đến nay; tiền nợ hui được bà M sử dụng cho chi phí sinh hoạt gia đình và thanh toán hui lại cho ông Đ.

Quá trình giải quyết vụ án ông Đ thừa nhận số tiền hui vợ chồng bà M nợ là tiền chung của ông và vợ là bà H là phù hợp với lời trình bày của bà H nên ông Đ yêu cầu vợ chồng bà M thanh toán nợ hui cho vợ chồng ông là có cơ sở.

Từ căn cứ nêu buộc bà M và ông D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đ, bà H số tiền nợ hui còn lại là 127.200.000 đồng.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mh và ông D do là người cao tuổi nên không phải chịu án phí – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Chí Đ về việc yêu cầu bà Bùi Thị M và ông Đoàn Thanh D thanh toán nợ hội.

Buộc bà Bùi Thị M và ông Đoàn Thanh D có nghĩa thanh toán cho ông Phạm Chí Đ và bà Dương Bích H tổng số tiền hội còn nợ là 127.200.000 đ (Một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phạm Chí Đ và bà Dương Bích H (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Bùi Thị M và ông Đoàn Thanh D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị M và ông Đoàn Thanh D không phải chịu án phí.

Ông Phạm Chí Đ không phải chịu án phí. Vào ngày 07/10/2024 ông Đ có dự nộp số tiền 4.600.000 đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0016472 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình nay được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Lệ Hoa – Trần Phi Hùng

Nguyễn Kiều Trang

